

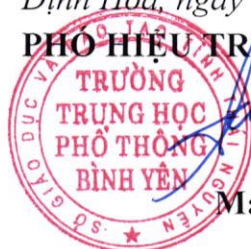
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Bình Yên năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Đủ điểm xét tuyển, không có môn liệt	Lớp 10 HL: TB, HK: TB trở lên	Lớp 11 HL: TB, HK: TB trở lên
		HS chuyển đến hoặc xin học lại có đủ hồ sơ hợp lệ		
II	Chương trình giáo dục mà Trường tuân thủ	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GDĐT Thái Nguyên, của Nhà trường được Sở GDĐT Thái Nguyên phê duyệt.		
III	1. Yêu cầu về phối hợp giữa Trường và gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên, đồng thuận với chủ trương giáo dục của nhà trường; sát sao quản lý các con thời gian không tham gia học tập, rèn luyện tại trường - Thực hiện quy chế phối hợp giữa Nhà trường và gia đình trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. 		
	2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi HS phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường phổ thông. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện 		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia hoạt động Đoàn thanh niên; được tham gia các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội, hoạt động ngoài giờ chính khóa. - Được tham gia các phong trào thi đua, phong trào VHVN-TDĐT. - Được tư vấn, giúp đỡ về tâm lý; ủng hộ vật chất nếu có khó khăn. 		
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức học sinh : Hạnh kiểm khá tốt: $\geq 90\%$ - Học tập: 40 % HS xếp loại khá, giỏi; HS yếu, kém dưới 5% - Sức khỏe: 100 % HS đủ tiêu chuẩn về RLTT 		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	97,0%	97,0%	95,0%

Định Hóa, ngày 14 tháng 9 năm 2020

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Ma Văn Đạo

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng năm học 2019- 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	783	258	276	249
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	89,4	88,4	86,95	93,2
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	8,56	9,3	9,78	6,43
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1,92	1,94	3,26	0,4
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,13	0,39	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	783	258	276	249
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	11,49	8,14	12,68	13,65
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	42,91	41,09	39,49	48,59
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	43,17	46,9	46,01	36,14
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2,3	3,49	1,81	1,64
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0,13	0,39	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	783	258	276	249
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99,36	98,06	100,0	100,0
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	11,49	8,14	12,68	16,65
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	42,91	41,09	39,49	48,59
2	Thi lại, RLHK trong hè (tỷ lệ so với tổng số)	1,66	3,88	1,81	0
3	Lưu ban (Tỷ lệ so với tổng số)	0,64	1,94	0	0
4	Số HS Chuyển trường đến/đi	2/13	0/9	2/3	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	16	6	10	0
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG	29	12	8	9
1	Cấp tỉnh/thành phố	29	12	8	9
2	Quốc gia, khu vực, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				249
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				248
VII	Số học sinh thi đỗ đại học công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh thi đỗ ĐH, CĐ ngoài công lập (tỷ lệ so với TS số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	387/396	124/134	126/150	137/112
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	599	194	212	193

Định Hóa, ngày 14 tháng 9 năm 2020

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Ma Văn Đạo